|  |  |
| --- | --- |
| Cookie | * Là tệp đc trang web người dùng truy cập tạo ra * Giúp trải nghiệm người dùng tốt hơn bằng cách lưu thông tin trang web * Với Cookie, trang web có thể duy trì trạng thái đăng nhập, ghi nhớ tùy chọn trang web và cung cấp nội dung phù hợp với vị trí của người dùng * Được lưu trữ trên trình duyệt web (client) |
| Cách sử dụng Cookie | * Sử dung @CookieValue trong tham số của handle method để lấy dữ liệu, @CookieValue sẽ tự động liên kết giá trị cookie với tham số của phương thức * Cú pháp: (@CookieValue(“cookieName”) DataType paramName   cookieName: tên cookie  DataType: kiểu dữ liệu của tham số  paramName: tên tham số   * Thiết lập thời gian sống của cookie: cookie.setMaxAge(i); * Xóa cookie:   Đọc cookie đang tồn tại trong đối tượng Cookies  Thiết lập time sống của cookie về lại 0  Thêm cookie vào lại đối tượng của cookie bằng respone.addCookie |
| Section | * Là 1 phiên làm việc giữa client và server * Sẽ bắt đầu khi client thực hiện request đầu tiên tới server và kết thúc khi client dừng làm việc trên server * Được tạo ra và lưu trữ trên server hoặc DB * Section sẽ bị đóng sau 1 khoảng thời gian mà user không tương tác (thời gian do ltv quy định) |
| Cách sử dụng section | 4 cách sử dụng:   * Inject trong HttpSection nơi đc yêu cầu * Sử dụng như 1 tham số * Tạo bean và giới hạn cho section làm việc * Sử dung @SectionAttributes |
| So sánh | Giống nhau:   * Đều tạo ra dữ liệu trong quá trình ng dùng sử dụng   Khác nhau:   * Section lưu trữ ở server còn Cookie lưu ở client * Cookie set thời gian sống từng cookie nhưng Section set thời gian sống của tất cả các giá trị trong 1 phiên làm việc * Section có thể lưu trữ nhiều loại kiểu dữ liệu trong khi Cookie lưu trữ kiểu String * Section hoạt động dựa vào Cookie |